

ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN ĐỊA 11

Bài 1. SỰ KHÁC BIỆT VỀ TRÌNH ĐỘ KINH TẾ XÃ HỘI GIỮA CÁC NHÓM NƯỚC

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN NHIỀU LỰA CHỌN

1. NHẬN BIẾT

Câu 1. Đặc điểm kinh tế của nhóm nước phát triển

- A. Tốc độ tăng GDP rất cao. B. Thường có qui mô GDP nhỏ.
C. Tiến hành công nghiệp hóa từ sớm. D. Nông nghiệp có tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP.

Câu 2. Nhóm nước phát triển có

- A. GNI bình quân đầu người cao. B. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP thấp.
C. chỉ số phát triển con người còn thấp. D. tỉ trọng của nông nghiệp còn rất lớn.

Câu 3: Nhóm nước đang phát triển có

- A. thu nhập bình quân đầu người rất cao. B. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP rất cao.
C. chỉ số phát triển con người không quá cao. D. tỉ trọng của nông nghiệp còn rất nhỏ bé.

Câu 4: Dựa vào các tiêu chí chủ yếu nào sau đây để phân chia thế giới thành các nhóm nước?

- A. GNI/ người, cơ cấu ngành kinh tế và chỉ số phát triển con người.
B. GDP/ người, đầu tư ra nước ngoài và chỉ số phát triển con người.
C. GNI, cơ cấu ngành kinh tế và trình độ dân trí, tuổi thọ trung bình.
D. GDP/ người, chỉ số phát triển con người và cơ cấu ngành kinh tế.

Câu 5. Để đánh giá, so sánh trình độ phát triển kinh tế và mức sống dân cư giữa các quốc gia. Ngân hàng Thế giới đã phân chia các nhóm nước dựa vào

- A. Cơ cấu kinh tế theo ngành. B. Chỉ số phát triển con người (HDI):
C. Cơ cấu kinh tế theo thành phần. D. Tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người (GNI/người)

Câu 6. Để phản ánh sức khỏe, giáo dục và thu nhập của con người giữa các quốc gia. Liên Hợp quốc đã phân chia các nhóm nước dựa vào

- A. Cơ cấu kinh tế theo ngành. B. Chỉ số phát triển con người (HDI):
C. Cơ cấu kinh tế theo thành phần. D. Tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người (GNI/người)

Câu 7: Các nước đang phát triển có đặc điểm là

- A. GNI bình quân đầu người rất cao. B. đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) rất nhiều.
C. chỉ số phát triển con người rất cao. D. cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa.

Câu 8: Khu vực nào sau đây có GNI/người cao nhất?

- A. Đông Á. B. Trung Đông. C. Bắc Mỹ. D. Đông Âu.

Câu 9: Khu vực nào sau đây có GNI/người thấp nhất?

- A. Tây Âu. B. Bắc Mỹ. C. Trung Phi. D. Bắc Á.

Câu 10. Sự phân chia thế giới thành các nhóm nước nói lên tình trạng chủ yếu nào sau đây?

- A. Thế giới có nhiều quốc gia, dân tộc và tôn giáo.
B. Sự khác biệt về trình độ phát triển giữa các nhóm nước.
C. Sự khác nhau về chế độ chính trị - xã hội giữa các nước.
D. Hậu quả kéo dài của chiến tranh lạnh kéo dài.

Câu 11. Đặc điểm nào sau đây là của các nước đang phát triển?

- A. GNI/người, chỉ số HDI ở mức cao, nợ nước ngoài nhiều.
B. GDP cao, chỉ số HDI ở mức thấp, nợ nước ngoài nhiều.
C. GDP/người thấp, chỉ số HDI ở mức thấp, nợ nước ngoài nhiều.
D. GNI cao, năng suất lao động xã hội cao, chỉ số HDI ở mức thấp.

Câu 12. Các nước đang phát triển có đặc điểm nào sau đây?

- A. Thu nhập bình quân theo đầu người cao. B. Chỉ số phát triển con người ở mức cao.
C. Tuổi thọ trung bình của dân cư còn thấp. D. Tỉ trọng ngành dịch vụ rất cao trong cơ cấu GDP.

Câu 13: Phương diện nào dưới đây **không** được phản ánh trong HDI?

- A. Sức khỏe. B. Mức độ đô thị hóa.

C. Học vấn.

D. Thu nhập.

Câu 14: Ở các nước đang phát triển, ngành nông nghiệp thu hút nhiều lao động nhưng lại chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu GDP do

A. dân số đông và tăng nhanh.

B. truyền thống sản xuất lâu đời.

C. trình độ phát triển kinh tế thấp.

D. kĩ thuật canh tác lạc hậu.

Câu 15: Ở các nước phát triển, lao động chủ yếu tập trung vào ngành nào dưới đây?

A. Công nghiệp.

B. Nông nghiệp.

C. Dịch vụ.

D. Lâm nghiệp.

Câu 16: Châu lục có tuổi thọ trung bình của người dân thấp nhất thế giới là

A. Châu Âu.

B. Châu Á.

C. Châu Mỹ.

D. Châu Phi.

Câu 17: Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nước phát triển có đặc điểm là

A. khu vực II rất cao, khu vực I và III thấp.

B. khu vực I rất thấp, khu vực II và III cao.

C. khu vực I và III cao, Khu vực II thấp.

D. khu vực I rất thấp, khu vực III rất cao.

Câu 18: Phát biểu nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng các ngành trong cơ cấu nền kinh tế của các nước đang phát triển?

A. Tăng công nghiệp và xây dựng, dịch vụ.

B. Công nghiệp và xây dựng giảm nhanh.

C. Tỉ trọng dịch vụ có nhiều biến động.

D. Nông - lâm - ngư có xu hướng tăng.

Câu 19: Tổ chức nào dưới đây đã dựa vào chỉ tiêu GNI/ người phân chia các nước thành nước có thu nhập cao, nước có thu nhập trung bình cao, nước có thu nhập trung bình thấp và nước có thu nhập thấp?

A. Liên hợp quốc.

B. Ngân hàng Thế giới.

C. Tổ chức Thương mại thế giới.

D. Quỹ Tiền tệ Quốc tế.

Câu 20: Tổ chức nào dưới đây đã dựa vào chỉ tiêu HDI để phân chia các nước thành nước có HDI rất cao, nước có HDI cao, nước có HDI trung bình và nước có HDI thấp?

A. Liên hợp quốc.

B. Ngân hàng Thế giới.

C. Tổ chức Thương mại thế giới.

D. Quỹ Tiền tệ Quốc tế.

2. THÔNG HIỂU

Câu 1. Tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người (GNI/người) phản ánh trình độ

A. sức khỏe, giáo dục và thu nhập của con người.

B. phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống dân cư.

C. dân trí, học vấn và chất lượng cuộc sống của dân cư.

D. phân công lao động và phát triển lực lượng sản xuất.

Câu 2. Cơ cấu kinh tế theo ngành **không** phản ánh trình độ

A. phân công lao động xã hội.

B. phát triển khoa học – công nghệ.

C. phát triển của lực lượng sản xuất.

D. tổ chức sản xuất theo lãnh thổ.

Câu 3. HDI là một trong những chỉ tiêu đánh giá

A. cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành y.

B. trình độ phát triển của một quốc gia.

C. khả năng tăng học vấn của dân cư.

D. tính đa dạng và đặc sắc của văn hóa.

Câu 4. Chỉ số phát triển con người (HDI) phản ánh trình độ

A. sức khỏe, giáo dục và thu nhập của con người.

B. phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống dân cư.

C. dân trí, học vấn và chất lượng cuộc sống của dân cư.

D. phân công lao động và phát triển lực lượng sản xuất.

Câu 5. Cơ cấu kinh tế theo ngành phản ánh trình độ

A. sức khỏe, giáo dục và thu nhập của con người.

B. phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống dân cư.

C. dân trí, học vấn và chất lượng cuộc sống của dân cư.

D. phân công lao động và phát triển lực lượng sản xuất.

Câu 6: Để nâng cao trình độ phát triển kinh tế, các nước đang phát triển hiện nay tập trung đẩy mạnh

A. công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

B. đô thị hóa, công nghiệp hóa.

C. xuất khẩu và công nghiệp hóa.

D. dịch vụ và hiện đại hóa.

Câu 7: Sự phân chia thế giới thành các nhóm nước nói lên tình trạng chủ yếu nào sau đây?

- A. Thế giới có nhiều quốc gia, dân tộc và tôn giáo.
- B. Hậu quả kéo dài của chiến tranh và xung đột.
- C. Sự khác biệt về trình độ phát triển giữa các nhóm nước.
- D. Sự khác nhau về chế độ chính trị - xã hội giữa các nước.

Câu 8: Đa số các nước đang phát triển có đặc điểm nào sau đây?

- A. GNI/người cao, chỉ số HDI ở mức thấp, tỉ lệ dân đô thị rất cao.
- B. GNI/người chưa thật cao, chỉ số HDI chưa cao, cơ cấu dân số trẻ.
- C. GNI/người rất cao, chỉ số HDI rất thấp, tỉ lệ gia tăng dân số cao.
- D. GNI/người chưa cao, chỉ số HDI ở mức cao, tỉ lệ dân đô thị thấp.

Câu 9: Ở các nước phát triển, lao động chủ yếu tập trung vào ngành nào sau đây?

- A. Công nghiệp.
- B. Nông nghiệp.
- C. Dịch vụ.
- D. Lâm nghiệp.

Câu 10: Chỉ số phát triển con người (HDI) được xác định dựa vào các tiêu chí nào sau đây?

- A. Sức khỏe, học vấn và thu nhập.
- B. Sự hài lòng với thực tế cuộc sống.
- C. Tuổi thọ trung bình, sự bình đẳng.
- D. Tỉ lệ giới tính, cơ cấu của dân số.

Câu 11: Về mặt xã hội, các nước phát triển có đặc điểm chung nào sau đây?

- A. Toàn bộ người dân đều biết chữ.
- B. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên thấp.
- C. Không có tình trạng lao động thất nghiệp.
- D. Không có tình trạng phân hóa giàu nghèo.

Câu 12: Ở nhóm nước phát triển, người dân có tuổi thọ trung bình cao, nguyên nhân chủ yếu là do

- A. môi trường sống thích hợp.
- B. chất lượng cuộc sống cao.
- C. nguồn gốc gen di truyền.
- D. làm việc và nghỉ ngơi hợp lí.

Câu 13: Các nước phát triển có đặc điểm là

- A. GNI bình quân đầu người thấp.
- B. Chỉ số phát triển con người thấp.
- C. đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) nhỏ.
- D. đang chuyển sang nền kinh tế tri thức.

Câu 14: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với nhóm nước phát triển?

- A. GNI bình quân đầu người cao.
- B. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) nhiều.
- C. Chỉ số phát triển con người cao.
- D. Chiếm tỉ trọng nhỏ trong GDP toàn cầu.

Câu 15: Ngành thu hút nhiều lao động và đóng góp phần lớn cho thu nhập quốc dân ở các nước phát triển là

- A. dịch vụ.
- B. công nghiệp.
- C. nông nghiệp.
- D. thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm.

Câu 16: Điểm khác biệt trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nhóm nước phát triển so với nhóm nước đang phát triển là

- A. tỉ trọng khu vực III rất cao.
- B. tỉ trọng khu vực II rất thấp.
- C. tỉ trọng khu vực I còn cao.
- D. tỉ trọng khu vực III thấp.

Câu 17: Các quốc gia đang phát triển thường

- A. đang đẩy mạnh công nghiệp hóa.
- B. có nền công nghiệp phát triển rất sớm.
- C. GNI bình quân đầu người rất cao.
- D. tuổi thọ trung bình của người dân cao.

Câu 18: Các nước đang phát triển thường có GNI/người ở mức

- A. cao, trung bình cao và trung bình thấp.
- B. thấp, trung bình thấp và rất cao.
- C. trung bình cao, trung bình thấp và thấp.
- D. trung bình thấp, cao và rất cao.

Câu 19: Phát biểu nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng các ngành trong cơ cấu nền kinh tế của các nước đang phát triển?

- A. Nông - lâm - ngư có xu hướng giảm.
- B. Công nghiệp và xây dựng giảm nhanh.
- C. Tỉ trọng dịch vụ có biến động lớn.
- D. Nông - lâm - ngư có xu hướng tăng.

Câu 20: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các nước đang phát triển?

- A. GNI bình quân đầu người chưa cao.
- B. Chỉ số phát triển con người đều thấp.
- C. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) nhỏ.
- D. Quy mô GDP mức trung bình và thấp.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Thí sinh trả lời các câu hỏi sau. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho thông tin sau:

Kinh tế tri thức là nền kinh tế phát triển dựa trên sức mạnh của tri thức để sử dụng hiệu quả các nguồn lực kinh tế. Bao gồm các hoạt động chuyển giao, cải tiến, nghiên cứu các công nghệ

- a) Kinh tế tri thức là hệ quả của cuộc Cách mạng khoa học công nghệ hiện đại.
- b) Sản xuất công nghệ là hình thức quan trọng nhất của nền kinh tế tri thức.
- c) Kinh tế tri thức thúc đẩy Toàn cầu hóa diễn ra nhanh hơn.
- d) Kinh tế tri thức giúp tình trạng chảy máu chất xám của Việt Nam hạn chế hơn.

Câu 2: Cho thông tin sau:

HDI là thước đo tổng hợp phản ánh sự phát triển của con người trên các phương diện sức khỏe, học vấn, thu nhập. Dựa vào chỉ tiêu này, Liên hợp quốc phân chia các nước thành nước có HDI rất cao (từ 0,800 trở lên), cao (từ 0,700 đến dưới 0,800), trung bình (từ 0,550 đến dưới 0,700) và thấp (dưới 0,550).

- a) HDI là một chỉ tiêu phân loại trình độ phát triển giữa các nhóm nước.
- b) Một trong những thước đo trình độ học vấn là số năm đi học của người trên 25 tuổi.
- c) HDI cao thì tuổi thọ trung bình cao.
- d) Việt Nam và các nước đang phát triển khác có thu nhập bình quân đầu người cao do có tốc độ tăng trưởng GDP cao.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

**GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ TOÀN THẾ GIỚI
GIAI ĐOẠN 2000 – 2020 (Đơn vị: tỉ USD)**

Trị giá Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu
2000	8034,8	8003,7
2010	19149,6	18769,3
2019	24791,1	24348,1
2020	22350,6	21720,7

- a) Giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ toàn thế giới tăng liên tục từ năm 2000 - 2020.
- b) Giá trị nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ toàn thế giới tăng liên tục từ năm 2000 - 2019.
- c) Cán cân xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ luôn âm.
- d) Biểu đồ miền thích hợp nhất để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu của Thế giới giai đoạn 2000 - 2020.

Câu 4. Đặc điểm kinh tế của nước phát triển và nước đang phát triển?

- a) Hầu hết các nước đang phát triển có quy mô GDP trung bình và thấp nhưng tốc độ tăng GDP khá cao.
- b) Ngành công nghiệp và xây dựng chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP các nước phát triển.
- c) Cơ cấu kinh tế các nước đang phát triển chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá với tỉ trọng ngành công nghiệp và xây dựng, dịch vụ có xu hướng tăng.
- d) Hiện nay, các nước phát triển và một số nước đang phát triển đang chú trọng phát triển các sản phẩm có hàm lượng khoa học - công nghệ và tri thức cao.

Câu 5. Cho thông tin sau:

Các nước phát triển thường có quy mô GDP lớn và có tốc độ tăng GDP khá ổn định. Nhóm nước này tiến hành công nghiệp hóa từ sớm và thường dẫn đầu trong các cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới (như Anh, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức...). Ngành dịch vụ đóng góp nhiều nhất trong GDP. Hiện nay, các nước phát triển tập trung vào đổi mới và phát triển các sản phẩm có hàm lượng khoa học – công nghệ và tri thức cao.

- a) Các nước phát triển thường có quy mô GDP nhỏ.
- b) Các nước phát triển tiến hành công nghiệp hóa từ sớm.
- c) Ngành dịch vụ các nước phát triển đóng góp nhiều nhất trong GDP.
- d) Các nước phát triển có tốc độ tăng GDP không ổn định.

Câu 6. Cho bảng số liệu:

GDP VÀ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA MỘT SỐ NƯỚC NĂM 2021.

Nước	Hoa Kỳ	Đức	Bra-xin	Việt Nam
GDP (tỉ USD)	23315,1	4259,9	1609,0	366,1
Tốc độ tăng trưởng (%)	1,7	2,6	4,6	2,6

a) Hoa Kỳ có qui mô GDP lớn nhất, tăng trưởng GDP cao nhất.

b) Việt Nam có qui mô GDP thấp nhất, tăng trưởng GDP thấp nhất.

c) Qui mô GDP của Hoa Kỳ gấp Đức 6 lần, gấp Việt Nam 70 lần.

d) Biểu đồ cột là biểu đồ thích hợp nhất thể hiện qui mô GDP và tốc độ tăng trưởng GDP của một số nước năm 2021.

Câu 7. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP CỦA ĐỨC VÀ VIỆT NAM, NĂM 2020 (Đơn vị: %)

Ngành	Đức	Việt Nam
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	0,7	12,7
Công nghiệp và xây dựng	26,5	36,7
Dịch vụ	63,4	41,8
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	9,5	8,8

a) Đức có ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng rất lớn, cao hơn Việt Nam 21,6%.

b) Ngành nông nghiệp của Đức chiếm tỉ trọng không đáng kể, thấp hơn Việt Nam tới 18 lần.

c) Việt Nam có tỉ trọng ngành công nghiệp – xây dựng thấp hơn Đức 10,2%.

d) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu GDP của Đức và Việt Nam, năm 2020.

Câu 8. Cho thông tin sau:

Các quốc gia phát triển có chỉ số phát triển con người (HDI) cao: mức sống, thu nhập bình quân đầu người, phúc lợi trẻ em và người già, tuổi thọ trung bình cao; các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, y tế, giao thông, truyền thông và giáo dục tốt; điều kiện sống và nhà ở, công nghiệp, cơ sở hạ tầng và công nghệ đều đồng bộ và hiện đại. Các quốc gia phát triển hiện nay đang tiến vào thời kì kinh tế hậu công nghiệp, phát triển nền kinh tế tri thức.

Các quốc gia đang phát triển là những quốc gia có chỉ số phát triển con người (HDI) thấp, tổng sản phẩm quốc nội, thu nhập bình quân đầu người, chất lượng giáo dục, giao thông, cơ sở y tế, cơ sở hạ tầng, hệ thống các ngành công nghiệp... còn nhiều hạn chế. Ở những quốc gia này thường có tỉ lệ tử vong và tỉ lệ sinh cao, tuổi thọ trung bình thấp.

a) Các nước phát triển thường có qui mô GDP lớn và tốc độ tăng GDP cao.

b) Các nước đang phát triển dẫn đầu trong các cuộc cách mạng công nghiệp. Chuyển dịch theo hướng phát triển nền kinh tế tri thức.

c) Cơ cấu kinh tế các nước phát triển chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa – hiện địa hóa với tỉ trọng ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ có xu hướng tăng.

d) Hiện nay, các nước phát triển và một số nước đang phát triển đang chú trọng phát triển các sản phẩm có hàm lượng khoa học - công nghệ và tri thức cao.

Câu 9. Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TOÀN THỂ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 -2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm/ Trị giá	Xuất khẩu	Nhập khẩu
2000	8 034,8	8 003,7
2015	21 280,8	20 815,8
2020	22 350,6	21 949,6

a) Giá trị xuất khẩu toàn thế giới giai đoạn 2000 - 2020 tăng liên tục.

b) Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ thế giới giai đoạn 2000 – 2021 là 276,2%

c) Dạng biểu đồ thích hợp nhất so sánh trị giá xuất nhập khẩu thế giới giai đoạn 2000-2020 là biểu đồ cột.

d) Năm 2020 giá trị xuất khẩu nhỏ hơn giá trị nhập khẩu.

PHẦN III. CÂU TRẮC NGHIỆM YÊU CẦU TRẢ LỜI NGẮN.

Câu 1. Năm 2020, thế giới có khoảng 768 triệu người bị thiếu dinh dưỡng, trong đó có hơn 50% sống ở châu Á. Theo đó, nếu có 100 triệu người bị thiếu dinh dưỡng thì châu Á có bao nhiêu triệu người? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu người)

→ **Đáp án:**

Câu 2. Theo Cơ quan Năng lượng Quốc tế, tổng tiêu thụ năng lượng trên thế giới năm 2020 là 400 triệu Tê-ra-jun (TJ), dự đoán đến năm 2050 nhu cầu sẽ tăng 24%. Như vậy nghĩa là vào năm 2050 nhu cầu năng lượng tăng thêm bao nhiêu Tê-ra-jun (TJ)? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của (TJ))

→ **Đáp án:**

Câu 3. Năm 2021, biết GDP của Hoa Kỳ là 23 315,1 tỉ USD và GDP của Việt Nam là 366,1 tỉ USD. GDP của Hoa Kỳ gấp bao nhiêu lần GDP của Việt Nam? (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

→ **Đáp án:**

Câu 4. Năm 2019 giá trị xuất khẩu toàn thế giới là 24 791,1 tỉ USD; giá trị nhập khẩu là 24 348,1 tỉ USD. Tính cán cân xuất nhập khẩu của toàn thế giới năm 2019. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

→ **Đáp án:**

Câu 5. Cho bảng số liệu:

GDP CỦA HOA KỲ SO VỚI THẾ GIỚI VÀ MỘT SỐ CHÂU LỤC NĂM 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Châu lục/quốc gia	Toàn thế giới	Hoa Kỳ	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi
GDP	84906,81	20893,74	20796,66	32797,13	2350,14

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng GDP của Châu Á so với thế giới (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

→ **Đáp án:**

Câu 6. Năm 2020, trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ toàn thế giới là 44 300,2 tỉ USD, trị giá nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ là 21 949,6 tỉ USD. Tính tỉ trọng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của thế giới năm 2020. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

→ **Đáp án:**

Câu 7: Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TOÀN THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2000	2005	2010	2015	2019	2020
Trị giá	7 961,7	13 014,4	19 009,0	21 341,8	24 970,7	22 594,7

Căn cứ vào bảng số liệu tính tốc độ tăng trưởng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của thế giới năm 2020 so với năm 2000. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

→ **Đáp án:**

Câu 8. Cho bảng số liệu:

QUI MÔ GDP CỦA THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2005 - 2022

(Đơn vị: Nghìn tỉ USD)

Năm	2005	2010	2015	2020	2022
GDP	47,8	66,6	75,2	84,9	100,9

(Nguồn: Ngân hàng thế giới, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng GDP của thế giới năm 2022 so với năm 2005. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

→ **Đáp án:**

Câu 9: Năm 2020 dân số thế giới là 7773 triệu người, tỉ số giới tính là 105/100. Tính dân số nam của thế giới năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu người)

→ **Đáp án:**

Câu 10. Năm 2020, trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ toàn thế giới là 44 300,2 tỉ USD, trị giá nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ là 21 949,6 tỉ USD. Tính tỉ lệ xuất siêu hàng hóa và dịch vụ của thế giới năm 2020. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

→ **Đáp án:**

Câu 11. Biết tổng trị giá xuất nhập khẩu thế giới năm 2020 là 44 300,2 tỉ USD, trong đó trị giá xuất khẩu so với trị giá nhập khẩu là 104%. Tính trị giá xuất khẩu của thế giới năm 2020. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn tỉ USD)

→ **Đáp án:**

BÀI 3. TOÀN CẦU HÓA VÀ KHU VỰC HÓA KINH TẾ

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN NHIỀU LỰA CHỌN

(Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án đúng)

1. NHẬN BIẾT

Câu 1: Toàn cầu hóa kinh tế là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới về

- | | |
|---|--|
| A. sản xuất, thương mại, tài chính. | B. thương mại, tài chính, giáo dục. |
| C. tài chính, giáo dục và chính trị. | D. giáo dục, chính trị và sản xuất. |

Câu 2: Khu vực hóa kinh tế là liên kết kinh tế - thương mại giữa

- | | |
|---|--|
| A. những khu vực có sự gần gũi nhau. | B. những nước cùng trình độ phát triển. |
| C. các nước có sự tương đồng với nhau. | D. các nhóm nước có quan hệ với nhau. |

Câu 3: Toàn cầu hóa là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới **không** phải về

- | | | | |
|--------------------|--------------------|---------------------|----------------------|
| A. kinh tế. | B. văn hóa. | C. khoa học. | D. chính trị. |
|--------------------|--------------------|---------------------|----------------------|

Câu 4: Tổ chức nào sau đây tham gia và chi phối trên 95% hoạt động thương mại toàn cầu?

- | | |
|--------------------------------------|---|
| A. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). | B. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). |
| C. Ngân hàng thế giới (WB). | D. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR). |

Câu 5: Tính đến năm 2020, tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đã có bao nhiêu quốc gia thành viên?

- | | | | |
|----------------|----------------|----------------|----------------|
| A. 150. | B. 154. | C. 160. | D. 164. |
|----------------|----------------|----------------|----------------|

Câu 6: Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

- | |
|---|
| A. Liên minh châu Âu (EU). |
| B. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). |
| C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). |
| D. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR). |

Câu 7: Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của khu vực hóa kinh tế?

- | |
|---|
| A. Ngân hàng thế giới (WB). |
| B. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). |
| C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). |
| D. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). |

Câu 8: Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của khu vực hóa kinh tế?

- | | |
|--------------------------------------|---|
| A. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). | B. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). |
| C. Ngân hàng thế giới (WB). | D. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR). |

Câu 9: Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

- | | |
|---|---|
| A. Ngân hàng thế giới (WB). | B. Liên minh châu Âu (EU). |
| C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). | D. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR). |

2. THÔNG HIỂU

Câu 1: Hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế là

- | |
|---|
| A. Nhiều tổ chức khu vực được hình thành. |
| B. Bổ sung các nguồn lực của mỗi quốc gia. |
| C. Thúc đẩy chuyên môn hóa, hợp tác hóa. |

D. Giảm sức ép từ các quốc gia ngoài khu vực.

Câu 2: Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực trên thế giới thường được thành lập bởi các quốc gia có

A. chung mục tiêu và lợi ích phát triển. B. sự phát triển kinh tế - xã hội đồng đều.

C. tổng thu nhập quốc gia tương tự nhau. D. lịch sử phát triển đất nước giống nhau.

Câu 3: Thách thức to lớn của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển là

A. tự do hóa thương mại được mở rộng. B. gây áp lực với tự nhiên, môi trường.

C. hàng hóa có cơ hội lưu thông rộng rãi. D. các quốc gia đón đầu công nghệ mới.

Câu 4: Các tổ chức liên kết kinh tế đặc thù trên thế giới thường được thành lập bởi các quốc gia có

A. nét tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội. B. sự phát triển kinh tế - xã hội đồng đều.

C. tổng thu nhập quốc gia tương tự nhau. D. lịch sử phát triển đất nước giống nhau.

Câu 5: Biểu hiện nào sau đây **không** phải của toàn cầu hóa kinh tế?

A. Thương mại thế giới phát triển mạnh. B. Các công ty đa quốc gia có vai trò lớn.

C. Thị trường tài chính quốc tế mở rộng. D. Các quốc gia gần nhau lập các tổ chức.

Câu 6: Biểu hiện của thương mại thế giới phát triển mạnh là

A. mạng lưới liên kết tài chính toàn cầu mở rộng toàn thế giới.

B. đầu tư nước ngoài tăng rất nhanh, nhất là lĩnh vực dịch vụ.

C. thương mại điện tử có những bước phát triển mạnh mẽ.

D. các công ti xuyên quốc gia hoạt động với phạm vi rất rộng.

Câu 7: Biểu hiện của việc tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn toàn cầu là

A. mạng lưới liên kết tài chính toàn cầu được mở rộng.

B. các tiêu chuẩn thống nhất áp dụng trên nhiều lĩnh vực.

C. vai trò của Tổ chức Thương mại thế giới ngày càng lớn.

D. các công ti xuyên quốc gia hoạt động với phạm vi rộng.

Câu 8: Biểu hiện của các giao dịch quốc tế tài chính tăng nhanh là

A. các tiêu chuẩn toàn cầu ngày càng được áp dụng rộng rãi.

B. đầu tư nước ngoài tăng rất nhanh, nhất là trong dịch vụ.

C. vai trò của Tổ chức Thương mại thế giới ngày càng lớn.

D. các công ti xuyên quốc gia hoạt động với phạm vi rộng.

Câu 9: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với các công ty đa quốc gia?

A. Khai thác nền kinh tế các nước thuộc địa. B. Sở hữu nguồn của cải vật chất lớn.

C. Chi phối nhiều ngành kinh tế quan trọng. D. Phạm vi hoạt động ở nhiều quốc gia.

Câu 10: Một trong những biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế là

A. trao đổi học sinh, sinh viên thuận lợi giữa nhiều nước.

B. tăng cường hợp tác về văn hóa, văn nghệ và giáo dục.

C. đẩy mạnh hoạt động giao lưu văn hóa giữa các dân tộc.

D. Mạng lưới tài chính toàn cầu phát triển nhanh chóng.

Câu 11: Hệ quả quan trọng nhất của toàn cầu hóa kinh tế là

A. đẩy nhanh đầu tư.

B. xóa đói giảm nghèo.

C. giao lưu, học tập.

D. thúc đẩy sản xuất.

Câu 12: Hệ quả tiêu cực của toàn cầu hóa kinh tế là

A. tăng cường sự hợp tác quốc tế nhiều mặt.

B. đẩy nhanh đầu tư, làm sản xuất phát triển.

C. gia tăng nhanh khoảng cách giàu nghèo.

D. thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Câu 13: Tác động tích cực của của toàn cầu hóa **không** phải là

A. tăng cường sự hợp tác về kinh tế và văn hóa giữa các nước.

B. đẩy nhanh đầu tư và khai thác triệt để khoa học, công nghệ.

C. thúc đẩy sản xuất phát triển và tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

D. thúc đẩy quá trình đô thị hóa tự phát ở nước đang phát triển.

Câu 14: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về xu hướng toàn cầu hóa?

A. Quá trình liên kết giữa các quốc gia trên thế giới về nhiều mặt.

- B. Nhiều tổ chức liên kết kinh tế khu vực được hình thành.
- C. Có tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của kinh tế - xã hội thế giới.
- D. Liên kết giữa các quốc gia từ nền kinh tế đến văn hóa, khoa học.

Câu 15: Khu vực hóa kinh tế không dẫn đến

- A. tăng cường tự do hóa thương mại ở trong khu vực.
- B. thúc đẩy quá trình mở cửa thị trường các quốc gia.
- C. tăng cường quá trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới.
- D. xung đột và cạnh tranh giữa các khu vực với nhau.

Câu 16: Các công ty đa quốc gia có đặc điểm nào sau đây?

- A. Số lượng có xu hướng ngày càng giảm.
- B. Phạm vi hoạt động trong một khu vực.
- C. Góp phần liên kết các quốc gia lại với nhau.
- D. Chỉ phối hoạt động chính trị của nhiều nước.

Câu 17: Hệ quả quan trọng nhất của khu vực hóa kinh tế là

- A. tăng trưởng và phát triển kinh tế khu vực.
- B. tăng cường tự do hóa thương mại khu vực.
- C. đầu tư phát triển dịch vụ và du lịch khu vực.
- D. mở cửa thị trường các quốc gia trong khu vực.

Câu 18: Biểu hiện nào sau đây **không** thuộc toàn cầu hóa kinh tế?

- A. Các dòng hàng hóa - dịch vụ tự do di chuyển.
- B. Giao dịch thương mại quốc tế tăng nhanh.
- C. Áp dụng rộng rãi nhiều tiêu chuẩn toàn cầu.

Câu 19: Biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế là

- A. Các hợp tác trong khu vực ngày càng đa dạng.
- B. Các hợp tác song phương, đa phương trở nên phổ biến.
- C. Nhiều tổ chức khu vực trên thế giới được hình thành.
- D. Thu hẹp phạm vi hoạt động của các công ty xuyên quốc gia.

Câu 20: Biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế là

- A. Các hợp tác trong khu vực ngày càng đa dạng.
- B. Nhiều tổ chức liên kết kinh tế khu vực được hình thành.
- C. Gia tăng số lượng hiệp ước, nghị định và tiêu chuẩn toàn cầu.
- D. Hiệp định về kinh tế, chính trị, môi trường khu vực được kí kết.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Thí sinh trả lời các câu hỏi sau. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Trong các câu sau, câu nào đúng, câu nào sai về toàn cầu hoá kinh tế?

- a) Toàn cầu hoá kinh tế là quá trình gia tăng các hoạt động kinh tế giữa các nước và khu vực trên thế giới nhằm xây dựng một thị trường thống nhất trên toàn cầu.
- b) Một trong những biểu hiện của toàn cầu hoá là áp dụng rộng rãi các tiêu chuẩn toàn cầu trong quá trình sản xuất, kinh doanh.
- c) Toàn cầu hoá góp phần hạn chế sự phân hoá trình độ phát triển kinh tế và khoảng cách giàu nghèo giữa các nước.
- d) Toàn cầu hoá kinh tế góp phần khai thác lợi thế cạnh tranh của từng quốc gia.

Câu 3. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai về biểu hiện của toàn cầu hoá?

- a) Sự dịch chuyển hàng hoá, dịch vụ, công nghệ, vốn, lao động,... giữa các quốc gia ngày càng trở nên dễ dàng
- b) Các hợp tác song phương và đa phương đã trở nên phổ biến, nhiều hiệp định được kí kết,....
- c) Ngày càng có nhiều tổ chức khu vực trên thế giới được hình thành và quy mô ngày càng lớn.
- d) Các hợp tác trong khu vực ngày càng đa dạng và có nhiều hình thức khác nhau.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Toàn cầu hóa là quá trình là quá trình liên kết và phụ thuộc lẫn nhau của các nền quốc gia, khu vực và địa phương trên toàn thế giới thông qua việc tăng trưởng, cải thiện các lĩnh vực kinh tế như sản xuất, thương

mại, tài chính và dịch vụ. Toàn cầu hóa cũng liên quan đến việc giảm nghèo, tăng thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống và nâng cao trình độ giáo dục và y tế cho người dân.

a) Sự dịch chuyển hàng hoá, dịch vụ, công nghệ, vốn, lao động,... giữa các quốc gia ngày càng trở nên dễ dàng.

b) Các hợp tác song phương và đa phương đã trở nên phổ biến, nhiều hiệp định được kí kết,...

c) Ngày càng có nhiều tổ chức khu vực trên thế giới được hình thành và quy mô ngày càng lớn.

d) Các hợp tác trong khu vực ngày càng đa dạng và có nhiều hình thức khác nhau.

Câu 3. Cho thông tin:

Hội nhập kinh tế quốc tế đã đưa Việt Nam vào топ 20 nền thương mại hàng hóa lớn nhất thế giới vào năm 2021 và đứng thứ 17 trên thế giới về xuất khẩu. Với lợi thế về điều kiện tự nhiên, Việt Nam là quốc gia xuất khẩu dừa và hạt điều lớn nhất thế giới. Ngoài ra, với lợi thế về nguồn lao động và ưu đãi từ các chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, Việt Nam đã thu hút được hơn 15,66 tỉ USD vốn FDI năm 2021.

(Nguồn: Bộ kế hoạch và đầu tư Việt Nam)

a) Việt Nam là quốc gia xuất khẩu dừa và hạt điều lớn nhất thế giới.

b) Việt Nam thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài nhờ lợi thế về nguồn lao động.

c) Nguồn lực bên ngoài không ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội của nước ta.

d) Sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là của vùng ôn đới.

Câu 4: Cho thông tin:

Toàn cầu hóa thúc đẩy chuyên môn hóa, hợp tác hóa, tăng trưởng nhanh kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển chuỗi liên kết toàn cầu. Toàn cầu hóa làm gia tăng các mối quan hệ, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các quốc gia, khu vực, mở ra nhiều cơ hội để giao lưu, trao đổi, những thành tựu của khoa học công nghệ kỹ thuật tiên tiến và công nghệ hiện đại. Toàn cầu hóa làm xuất hiện và nhân rộng các mạng lưới liên kết.

Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng làm gia tăng nhanh chóng khoảng cách giàu nghèo và đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết như: giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giữ vững tính tự chủ quốc gia về kinh tế.

a) Toàn cầu hóa tạo ra sự dịch chuyển các yếu tố sản xuất như lao động, vốn, công nghệ và tri thức.

b) Các nước ứng dụng khoa học công nghệ và tri thức cao vào phát triển kinh tế, hướng tới phát triển xanh và bền vững.

c) Toàn cầu hóa làm cho các nước nghèo có nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế.

d) Toàn cầu hóa làm mất dần bản sắc văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa truyền thống bị biến mất.

Câu 5: Cho bảng số liệu sau:

TRỊ GIÁ THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN THẾ GIỚI
GIAI ĐOẠN 1990 – 2020 (Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1990	2000	2010	2019	2020
Tiêu chí					
Trị giá thương mại	8 766,0	16 038,5	37 918,9	49 140,0	44 071,3
Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	225,0	1 400,0	1 356,6	1 523,0	998,9

(Nguồn: WB, 2022)

a) Trị giá thương mại tăng rất nhanh trong giai đoạn 1990-2019, đến năm 2020 giảm do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.

b) Đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng rất nhanh từ năm 1990 đến năm 2019.

c) Tốc độ tăng năm 2020 so với năm 1990 của trị giá thương mại (502,8 %) nhanh hơn của đầu tư trực tiếp nước ngoài (444,0 %).

d) Biểu đồ kết hợp là loại biểu đồ thích hợp nhất thể hiện trị giá thương mại và đầu tư trực tiếp nước ngoài trên thế giới giai đoạn 1990 – 2020.

Câu 6. Cho bảng số liệu sau:

TRỊ GIÁ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ TOÀN THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu
2000	7 961,7	7 982,3
2010	19 009,0	18 467,2
2019	24 970,7	24 418,2
2020	22 594,7	21 949,6

(Nguồn: WB, 2022)

a) Giá trị xuất khẩu tăng nhanh và liên tục.

b) Cán cân xuất nhập khẩu luôn dương.

c) Tỷ trọng nhập khẩu luôn thấp hơn xuất khẩu.

d) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu của thế giới giai đoạn 2000-2020.

Câu 7: Cho thông tin sau:

Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực tạo nên động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, tăng cường tự do hóa thương mại, đầu tư dịch vụ giữa các quốc gia và giữa các khu vực với nhau. Lợi ích kinh tế của các nước thành viên được đảm bảo trong các tổ chức khu vực. Khu vực hóa thúc đẩy quá trình mở cửa của thị trường ở các quốc gia, tạo lập những thị trường khu vực rộng lớn, là nền tảng cho quá trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới. Tuy nhiên xu hướng khu vực hóa kinh tế đặt ra không ít vấn đề như tính tự chủ về kinh tế, vấn đề cạnh tranh giữa các khu vực,...

a) Khu vực hóa kinh tế là động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.

b) Khu vực hóa hướng đến đảm bảo cùng nhau phát triển bền vững.

c) Mỗi quốc gia chỉ tham gia một tổ chức liên kết kinh tế khu vực.

d) Liên kết kinh tế khu vực để tăng khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường.

Câu 8: Cho thông tin sau:

Toàn cầu hóa kinh tế đặt ra nhiều vấn đề trong phát triển kinh tế của các nước như xây dựng thương hiệu sản phẩm, chuyển đổi cơ cấu kinh tế phù hợp, hoàn thiện các thể chế để thích ứng với xu hướng hội nhập, nâng cao trình độ phát triển kinh tế. Các vấn đề xã hội và môi trường như trên là giàu nghèo, y tế, việc làm, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu trở thành mối quan tâm chung của các quốc gia.

a) Cơ cấu kinh tế các nước chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp - xây dựng giảm nông nghiệp và dịch vụ.

b) Toàn cầu hóa cơ hội để các nước mở cửa thu hút vốn đầu tư và khoa học công nghệ.

c) Trí tuệ nhân tạo đã thay thế con người trong quá trình sản xuất.

d) Kinh tế thế giới phát triển chất lượng cuộc sống tăng nhưng khoảng cách giàu nghèo càng tăng.

Câu 9. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai về biểu hiện của toàn cầu hoá?

Phát biểu	Đúng	Sai
a) Trên thế giới có nhiều tổ chức với mục đích, chức năng và hoạt động khác nhau.		
b) Các tổ chức khu vực và quốc tế thu hút nhiều quốc gia trên thế giới tham gia.		
c) Các tổ chức khu vực và quốc tế đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế thế giới,...		
d) Các tổ chức trên thế giới được xếp chung vào một loại hình là tổ chức quốc tế.		

Câu 10: Cho thông tin sau:

Toàn cầu hoá kinh tế là sự gia tăng nhanh chóng các hoạt động kinh tế vượt qua mọi biên giới quốc gia và khu vực trên toàn thế giới; tạo ra sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế nhằm hướng tới nền kinh tế thế giới hội nhập và thống nhất.

a) Toàn cầu hoá là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới về nhiều mặt.

b) Toàn cầu hoá tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của nền kinh tế-xã hội thế giới.

c) Toàn cầu hoá làm gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế.

d) Toàn cầu hoá làm tăng nguy cơ bất ổn về chính trị và gia tăng chiến tranh.

Câu 11: Cho thông tin sau:

Các công ty xuyên quốc gia ngày càng mở rộng phạm vi hoạt động. Hệ thống các công ty xuyên quốc gia đã có mặt ở nhiều nước tạo nên sự liên kết chặt chẽ góp phần làm cho quá trình toàn cầu hóa trở nên sâu sắc hơn.

- a) Các công ty xuyên quốc gia là 1 trong những nhân tố thúc đẩy toàn cầu hóa.
- b) Các công ty xuyên quốc gia chủ yếu tham gia lĩnh vực tài chính, công nghệ.
- c) Các công ty xuyên quốc gia tham gia chuỗi liên kết chủ yếu ở các nước đang phát triển.
- d) Các công ty xuyên quốc gia chi phối và kiểm soát hoạt động thương mại thế giới.

Câu 12: Cho bảng số liệu sau:

TRỊ GIÁ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TOÀN THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 - 2020
(Đơn vị: Tỉ USD)

Năm	2000	2005	2010	2015	2019	2020
Xuất Khẩu	7 961,7	13 014,0	19 009,0	21 341,8	24 970,7	22 594,7
Nhập Khẩu	7 927,2	12 804,0	18 467,2	20 815,8	24 418,2	21 949, 6

(Nguồn : Ngân hàng Thế giới, 2022)

- a) Giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ toàn thế giới giai đoạn 2000 - 2020 tăng liên tục.
- b) Giá trị xuất khẩu hàng hóa luôn lớn hơn giá trị nhập khẩu giai đoạn 2000 - 2020.
- c) Giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ toàn thế ngày càng tăng biểu hiện của toàn cầu hóa.
- d) Hoạt động thương mại có tốc độ tăng trưởng cao giai đoạn 2000 - 2020 tăng 560%.

PHẦN III: CÂU TRẮC NGHIỆM YÊU CẦU TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Năm 2000, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào các nước đạt 1,4 tỉ USD, năm 2021 đã lên đến 1,6 tỉ USD. Vậy năm 2021 tổng vốn đầu tư nước ngoài so với năm 2000 gấp bao nhiêu lần (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

→ **Đáp án:**

Câu 2: Năm 2021 tổng GDP Ca- na đa là 1990, 8 tỉ USD, dân số 37 triệu người. tính GDP/ người Ca na đa năm 2021 (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn USD)

→ **Đáp án:**

Câu 3: Năm 2021, thế giới có khoảng 2,3 tỉ người bị đói thiếu dinh dưỡng, chiếm 29,3% dân số thế giới. Vậy dân số thế giới năm 2021 bao nhiêu tỉ người? (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ hai của tỉ người)

→ **Đáp án:**

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Tổng	Nhóm 0-14 tuổi	Nhóm 15- 64 tuổi	Nhóm > 65 tuổi
7,795 tỉ người	25,4%	65,3%	9,3%

(Nguồn Quỹ dân số Liên Hợp Quốc – 2021)

Tính số dân thế giới phân theo nhóm tuổi 15 – 64 tuổi năm 2020? (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ hai của tỉ người)

→ **Đáp án:**

Câu 5: Năm 2020, giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của thế giới là 22 594,7 tỉ USD. Cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của thế giới là 645,1 tỉ USD. Tính tổng giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của thế giới năm 2020. (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của nghìn tỉ USD)

→ **Đáp án:**

Câu 6: Năm 2020, tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của thế giới là 44,5 nghìn tỉ USD. Cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của thế giới là 0,6 nghìn tỉ USD. Tính giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của thế giới năm 2020. (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của nghìn tỉ USD)

→ **Đáp án:**

Bài 5. MỘT SỐ TỔ CHỨC QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN NHIỀU LỰA CHỌN

1. NHẬN BIẾT

Câu 1: Tổ chức thương mại thế giới WTO được thành lập năm nào sau đây?

- A. 1944. B. 1945. C. 1989. D. 1995.

Câu 2: Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương được thành lập năm nào sau đây?

- A. 1944. B. 1945. C. 1989. D. 1995.

Câu 3: Việt Nam là thành viên của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương vào năm nào sau đây?

- A. 1977. B. 1976. C. 2007. D. 1998.

Câu 4: Việt Nam gia nhập WTO vào năm nào sau đây?

- A. 2005. B. 2006. C. 2007. D. 2008.

Câu 5: Liên hợp quốc được thành lập năm nào sau đây?

- A. 1918. B. 1939. C. 1945. D. 1975.

Câu 6: Việt Nam là thành viên của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) vào năm nào sau đây?

- A. 1977. B. 1976. C. 2007. D. 1998.

Câu 7: Vấn đề nào dưới đây là vấn đề an ninh truyền thống?

- A. An ninh năng lượng. B. An ninh quân sự.
C. An ninh mạng. D. An ninh nguồn nước.

Câu 8: Vấn đề nào dưới đây là vấn đề an ninh phi truyền thống?

- A. An ninh chính trị. B. An ninh quân sự.
C. Chiến tranh, xung đột vũ trang. D. An ninh lương thực.

Câu 9: Duy trì hòa bình và trật tự thế giới là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Tổ chức Thương mại Thế giới. B. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).
C. Ngân hàng Thế giới (WB). D. Liên hợp quốc.

Câu 10: Đảm bảo sự ổn định tài chính toàn cầu là nhiệm vụ chủ yếu của

- A. Tổ chức Thương mại Thế giới. B. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).
C. Ngân hàng Thế giới (WB). D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – TBD.

Câu 11: Tổ chức nào sau đây có tiêu là giải quyết các bất đồng và tranh chấp thương mại giữa các nước thành viên?

- A. Tổ chức Thương mại Thế giới. B. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).
C. Liên hợp quốc. D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – TBD.

Câu 12: Thiết lập và duy trì một nền thương mại toàn cầu tự do, thuận lợi và minh bạch là tôn chỉ của tổ chức nào sau đây?

- A. Tổ chức Thương mại Thế giới. B. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).
C. Ngân hàng Thế giới (WB). D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – TBD.

Câu 13: Vấn đề nào sau đây chỉ được giải quyết khi có sự hợp tác chặt chẽ của tất cả các nước trên toàn thế giới?

- A. Sử dụng nước ngọt. B. An ninh toàn cầu.
C. Chống mưa axit. D. Ô nhiễm không khí cục bộ.

Câu 14: Nguồn nước ở sông, hồ bị ô nhiễm do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Biến đổi khí hậu. B. Chất thải. C. Cháy rừng. D. Nhiễm mặn.

Câu 15: Biểu hiện nào sau đây **không** phải là hệ quả của vấn đề mất an ninh lương thực?

- A. Thiếu lương thực. B. Xảy ra nạn đói.
C. Phụ thuộc vào nước ngoài. D. Xuất khẩu thiếu ổn định.

Câu 16: Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu sử dụng năng lượng của thế giới là

- A. năng lượng hóa thạch. B. điện Mặt Trời.
C. thủy điện. D. năng lượng hạt nhân.

Câu 17: Vấn đề an ninh mạng gắn liền với sự phát triển của ngành nào sau đây?

- A. Công nghiệp. B. Nông nghiệp.
C. Du lịch. D. Công nghệ thông tin.

Câu 18: Việc bảo vệ hòa bình thế giới là trách nhiệm của

A. Liên hợp quốc.

C. các nước đang phát triển.

B. các nước phát triển.

D. các quốc gia và người dân.

Câu 19: Nguồn năng lượng chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu sử dụng năng lượng hiện nay là

A. than đá.

C. dầu mỏ.

B. năng lượng hạt nhân.

D. năng lượng tái tạo.

Câu 20: Thúc đẩy tự do thương mại, đầu tư và mở cửa trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương là tôn chỉ hoạt động của tổ chức nào sau đây?

A. Tổ chức Thương mại Thế giới.

C. Ngân hàng Thế giới (WB).

B. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).

D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – TBD.

Câu 21: Vấn đề nào dưới đây **không** phải là mối đe dọa đến hòa bình và an ninh quốc tế hiện nay?

A. Thiếu lương thực.

C. Biến đổi khí hậu.

B. Tranh chấp biên giới.

D. Tai nạn giao thông.

Câu 22: Những khu vực nào dưới đây chịu tác động nghiêm trọng của nạn đói?

A. Bắc Phi, Nam Mỹ.

C. Nam Phi, Trung Mỹ.

B. Bắc Mỹ, Đông Nam Á.

D. Đông Phi, Trung Phi.

Câu 23: Khu vực nào dưới đây có vị trí chiến lược về năng lượng dầu mỏ?

A. Tây Nam Á.

C. Đông Á.

B. Đông Nam Á.

D. Nam Á.

Câu 24: Hiện nay, thế giới phụ thuộc chủ yếu vào năng lượng

A. hạt nhân.

B. tái tạo.

C. hóa thạch.

D. thủy điện.

Câu 25: Cơ quan Năng lượng Quốc tế viết tắt là

A. IEA.

B. WTO.

C. WB.

D. IMF.

Câu 26: Một số tổ chức có vai trò quan trọng đối với an ninh lương thực trên thế giới hiện nay là

A. IMF, WTO.

C. FAO, WFP.

B. WFP, APEC.

D. EU, ASEAN.

Câu 27: Lưu vực sông nào dưới đây ít bị căng thẳng an ninh nguồn nước?

A. Lưu vực sông Mê Công.

C. Lưu vực sông Nin.

B. Lưu vực sông Hằng.

D. Lưu vực sông Đa-nyúp.

Câu 28: APEC là tên viết tắt của tổ chức nào dưới đây?

A. Quỹ Tiền tệ Quốc tế.

C. Hội nghị thượng đỉnh Á – Âu.

B. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

D. Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á – TBD.

2. THÔNG HIỂU

Câu 1: Trụ sở của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) được đặt tại thành phố nào sau đây?

A. Béc-lin (Đức).

C. Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ).

B. Xin-ga-po (Xin-ga-po).

D. Niu Oóc (Hoa Kỳ).

Câu 2: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)?

A. Là một tổ chức phi chính phủ lớn trên thế giới.

B. Có 164 nước tham gia thành viên (năm 2021).

C. Chi phối phần lớn hoạt động thương mại thế giới.

D. Làm sâu sắc sự khác biệt giữa các nhóm nước.

Câu 3: Tổ chức liên kết kinh tế có tổng GDP lớn nhất hiện nay (năm 2021) là

A. Liên minh châu Âu (EU).

B. Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mỹ (NAFTA).

C. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).

D. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).

Câu 4: Trụ sở của Liên hợp quốc đặt tại thành phố nào sau đây?

A. Tô-ky-ô (Nhật Bản).

C. Pa-ri (Pháp).

B. Bắc Kinh (Trung Quốc).

D. Niu Oóc (Hoa Kỳ).

Câu 5: Trụ sở của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) được đặt tại thành phố nào sau đây?

- A. Oa-sinh-tơn (Hoa Kỳ). B. Luân đôn (Anh).
C. Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ). D. Xin-ga-po (Xin-ga-po).

Câu 6: Trụ sở của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) được đặt tại thành phố nào sau đây?

- A. Béc-lin (Đức). B. Bắc Kinh (Trung Quốc).
C. Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ). D. Niu Oóc (Hoa Kỳ).

Câu 7: Vai trò to lớn của Tổ chức thương mại thế giới là

- A. củng cố nền kinh tế toàn cầu. B. tăng cường liên kết các khối kinh tế.
C. thúc đẩy tự do hóa thương mại. D. giải quyết xung đột giữa các nước.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về mục tiêu chủ yếu của Liên hợp quốc?

- A. Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế. B. Điều hòa các nỗ lực quốc tế chung.
C. Thúc đẩy quan hệ hữu nghị các nước. D. Ổn định hệ thống tiền tệ quốc tế.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây đúng với mục tiêu của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF)?

- A. Hỗ trợ tài chính tạm thời. B. Bảo vệ các quyền con người.
C. Minh bạch trong thương mại. D. Thực hiện các cứu trợ nhân đạo.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây đúng với tôn chỉ hoạt động của Tổ chức thương mại thế giới (WTO)?

- A. Cung cấp các khoản cho vay. B. Bảo vệ các quyền con người.
C. Minh bạch trong thương mại. D. Thực hiện các cứu trợ nhân đạo.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây đúng với mục tiêu của Liên hợp quốc?

- A. Cung cấp các khoản cho vay. B. Bảo vệ các quyền con người.
C. Minh bạch trong thương mại. D. Đảm bảo an ninh tài chính.

Câu 12: Phát biểu nào sau đây đúng về tổ chức Thương mại thế giới (WTO)?

- A. Tổ chức liên chính phủ lớn nhất thế giới. B. Là một liên minh tiền tệ quốc tế lớn nhất.
C. Tổ chức thương mại lớn nhất trên thế giới. D. Là một liên minh khu vực lớn nhất thế giới.

Câu 13: Phát biểu nào sau đây đúng về Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC)?

- A. Tổ chức liên chính phủ lớn nhất thế giới. B. Là một liên minh tiền tệ quốc tế lớn nhất.
C. Tổ chức thương mại lớn nhất trên thế giới. D. Là một diễn đàn kinh tế mở với GDP lớn.

Câu 14: Khu vực nào sau đây chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của nạn đói?

- A. Tây Âu. B. Bắc Á. C. Đông Phi. D. Bắc Mỹ.

Câu 15: Các cuộc xung đột ở thế kỉ XX và đầu thế kỉ XXI liên quan chủ yếu tới vấn đề nào sau đây?

- A. An ninh nguồn nước. B. An ninh lương thực.
C. An ninh năng lượng. D. An ninh mạng.

Câu 16: Đe dọa trực tiếp tới ổn định, hòa bình của thế giới **không** phải là

- A. xung đột sắc tộc. B. xung đột tôn giáo. C. thiên nhiên đa dạng. D. các vụ khủng bố.

Câu 17: Việc giải quyết vấn đề nào sau đây đòi hỏi trực tiếp có sự hợp tác toàn cầu?

- A. Ổn định, hòa bình thế giới. B. Sử dụng hợp lí tài nguyên.
C. Chống khan hiếm nước ngọt. D. Bảo vệ môi trường ven biển.

Câu 18: Giải pháp mang tính cấp bách khi giải quyết vấn đề khủng hoảng an ninh lương thực là

- A. cung cấp lương thực và cứu trợ nhân đạo. B. tăng năng suất và phát triển bền vững.
C. phát huy vai trò của các tổ chức quốc tế. D. bình ổn giá, ưu tiên hàng lương thực.

Câu 19: Vấn đề nào sau đây được xếp vào vấn đề an ninh truyền thống?

- A. Khủng bố. B. An ninh tài chính.
C. An ninh năng lượng. D. Biến đổi khí hậu.

Câu 20: Quỹ Tiền tệ Quốc tế được thành lập với mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Nâng cao mức sống, tạo việc làm. B. Đảm bảo sự ổn định về hòa bình.
C. Giải quyết các bất đồng chủ quyền. D. Thúc đẩy hợp tác tiền tệ toàn cầu.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Thí sinh trả lời các câu hỏi sau. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho thông tin sau:

An ninh lương thực là việc đảm bảo mọi người có quyền tiếp cận nguồn lương thực một cách đầy đủ, an toàn để duy trì cuộc sống khỏe mạnh.

- a) An ninh lương thực bị ảnh hưởng bởi chiến tranh, xung đột vũ trang, thiên tai,
- b) Bình quân lương thực đầu người là một trong những chỉ tiêu phản ánh an ninh lương thực.
- c) Để đảm bảo an ninh lương thực nên đẩy mạnh các biện pháp quảng canh trong nông nghiệp.
- d) Biến đổi khí hậu ảnh hưởng lớn đến vấn đề an ninh lương thực của Việt Nam.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Trên thế giới có nhiều vấn đề an ninh toàn cầu, được xếp vào nhóm các vấn đề an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống. An ninh truyền thống là các vấn đề liên quan đến quân sự. An ninh phi truyền thống bao gồm một số vấn đề mang tính toàn cầu như: an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh mạng, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, xung đột sắc tộc,...

- a) An ninh truyền thống là các vấn đề liên quan đến an ninh chính trị và quân sự như: khủng bố, xung đột vũ trang,...
- b) An ninh phi truyền thống bao gồm một số vấn đề mang tính toàn cầu như: an ninh kinh tế, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh mạng,...
- c) Các vấn đề về an ninh tài chính, xung đột sắc tộc, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, khủng bố quốc tế thuộc về an ninh truyền thống.
- d) Hội đồng Bảo an đảm nhiệm trách nhiệm hàng đầu của Liên hợp quốc là duy trì hoà bình và an ninh quốc tế.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Vào tháng 7 hàng năm, Ngân hàng thế giới sẽ cập nhật phân loại các nước theo GNI / người, theo bản cập nhật năm 2022, nước có GNI / người năm 2021 từ 1085 USD trở xuống là nước có thu nhập thấp, trong khoảng 1086 USD đến 4255 USD là nước có thu nhập trung bình thấp, trong khoảng 4256 USD đến 13 205 USD là nước có thu nhập trung bình cao, từ trên 13 205 USD là nước có thu nhập cao.

- a) Dựa vào tiêu chí GNI/ người có thể biết được trình độ phát triển kinh tế của một quốc gia.
- b) Các nước có GNI/ người cao là những nước có chất lượng cuộc sống cao.
- c) Việt Nam là nước đang phát triển nằm trong nhóm nước có thu nhập trung bình thấp.
- d) GNI/ người phản ánh mức sống và năng suất lao động của người dân trong một nước.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Toàn cầu hóa kinh tế đặt ra nhiều vấn đề trong phát triển kinh tế của các nước như xây dựng thương hiệu sản phẩm, chuyển đổi cơ cấu kinh tế phù hợp, hoàn thiện các thể chế để thích ứng với xu hướng hội nhập, nâng cao trình độ phát triển kinh tế. Các vấn đề xã hội và môi trường như trên là giàu nghèo, y tế, việc làm, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu trở thành mối quan tâm chung của các quốc gia.

- a) Cơ cấu kinh tế các nước chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp - xây dựng, giảm nông nghiệp và dịch vụ.
- b) Toàn cầu hóa tạo cơ hội để các nước mở cửa thu hút vốn đầu tư và khoa học công nghệ.
- c) Trí tuệ nhân tạo đã thay thế con người trong quá trình sản xuất.
- d) Kinh tế thế giới phát triển chất lượng cuộc sống tăng nhưng khoảng cách giàu nghèo càng tăng.

Câu 5: Cho thông tin sau:

Hội nhập quốc tế đã đưa Việt Nam vào top 20 nền thương mại hàng hóa lớn nhất thế giới vào năm 2021 và đứng thứ 17 thế giới về xuất khẩu. Với lợi thế về điều kiện tự nhiên, Việt Nam là quốc gia xuất khẩu dừa và hạt điều lớn nhất thế giới, xuất khẩu tiêu và quế đứng thứ 2 thế giới. Ngoài ra với lợi thế về nguồn lao động và ưu đãi từ các chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, Việt Nam đã thu hút được hơn 15,66 tỷ USD vốn FDI năm 2021.

- a) Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là nông sản.
- b) Các bạn hàng lớn của Việt Nam chủ yếu là EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản.
- c) Nguồn lao động dồi dào, giá nhân công rẻ là một lợi thế để Việt Nam thu hút nguồn vốn FDI cao.
- d) Kinh tế hội nhập, chính sách phát triển kinh tế năng động tạo tiền đề đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế nước ta.

Câu 6: Cho thông tin sau:

Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) tạo điều kiện mở rộng, tăng trưởng cân đối hoạt động mậu dịch quốc tế, từ đó góp phần vào việc tăng cường và duy trì ở mức cao việc làm, thu nhập thực tế và việc phát triển nguồn lực sản xuất của tất cả các thành viên; tăng cường ổn định ngoại hối để duy trì có trật tự các hoạt động giao dịch ngoại hối. Tổ chức này hỗ trợ việc thành lập hệ thống thanh toán đa phương giữa các nước thành viên cũng như xoá bỏ các hạn chế về ngoại hối có thể ảnh hưởng đến tăng trưởng mậu dịch quốc tế.

- a) Việt Nam là thành viên của IMF từ năm 1986.
- b) IMF thúc đẩy hợp tác tiền tệ toàn cầu, đảm bảo sự ổn định tài chính thế giới.
- c) Nhiệm vụ của IMF là giám sát các chính sách thương mại của các quốc gia.
- d) Tham gia vào IMF, nước ta có thuận lợi thúc đẩy thương mại quốc tế, tạo việc làm, giảm nghèo.

Câu 7: Cho thông tin sau:

APEC là một diễn đàn kinh tế mở của các nền kinh tế nằm trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. APEC có nhiệm vụ thúc đẩy tự do hóa thương mại và đầu tư trong khu vực, khuyến khích hợp tác kinh tế - kỹ thuật giữa các thành viên; điều chỉnh các quy định và tiêu chuẩn trên toàn khu vực; phối hợp trong xây dựng và triển khai các sáng kiến hành động dựa trên những chính sách, thỏa thuận đạt được trong khu vực.

- a) Việt Nam là thành viên của APEC từ năm 1998 .
- b) Mục tiêu hoạt động của APEC là thúc đẩy tự do thương mại và đầu tư trong khu vực với các tổ chức kinh tế khác.
- c) Các nước thành viên của APEC chủ yếu thuộc khu vực Châu Á.
- d) APEC có nhiệm vụ nâng cao mức sống tạo công ăn việc làm cho người dân các nước thành viên.

Câu 8: Cho thông tin sau:

Tổ chức thương mại quốc tế (WTO) có nhiệm vụ tổ chức diễn đàn cho các cuộc đàm phán thương mại đa phương; giải quyết các tranh chấp thương mại; giám sát các chính sách thương mại của các quốc gia; thúc đẩy việc thực hiện những hiệp định và cam kết đạt được trong khuôn khổ WTO; hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo các nước đang phát triển; hợp tác với các tổ chức quốc tế khác liên quan đến hoạch định chính sách kinh tế toàn cầu.

- a) Việt Nam là thành viên chính thức của WTO năm 2006.
- b) WTO hướng tới một nền thương mại toàn cầu tự do, thuận lợi và minh bạch. **D**
- c) Các thành viên của WTO được bảo hộ về giá cả cạnh tranh trong buôn bán quốc tế.
- d) Hạn chế WTO tăng khả năng cạnh tranh trong xuất khẩu hàng hóa.

Câu 9. Cho thông tin sau:

Hoà bình là khát vọng của toàn nhân loại. Tuy nhiên, hiện nay ở một số khu vực trên thế giới, hoà bình và an ninh quốc tế đang đối mặt với nhiều vấn đề như: đói nghèo, phân biệt chủng tộc, sắc tộc, tôn giáo, xung đột vũ trang, biến đổi khí hậu, tranh chấp biên giới, lãnh thổ,... diễn ra với nhiều mức độ khác nhau. Sự phân hoá giàu nghèo ngày càng sâu sắc, một số quốc gia có sự cạnh tranh gay gắt với nhau về kinh tế.

- a) Một số khu vực trên thế giới hiện nay vẫn phải đối mặt với vấn đề an ninh chưa được đảm bảo.
- b) Tình trạng phân hoá giàu nghèo trên thế giới ngày càng gia tăng.
- c) Vấn đề đói nghèo, biến đổi khí hậu... thuộc an ninh phi truyền thống.
- d) Xung đột sắc tộc, vũ trang xảy ra khắp nơi đe dọa nghiêm trọng đến hoà bình thế giới.

Câu 10. Cho thông tin sau:

Để bảo vệ hoà bình, các nước cần tăng cường việc đối thoại và hợp tác chặt chẽ để giải quyết các vấn đề xung đột và mâu thuẫn trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc: tôn trọng chủ quyền, quyền tự chủ và trách nhiệm chủ đạo của các quốc gia; loại bỏ vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt khác. Các quốc gia cần tăng cường phối hợp trong những tổ chức quốc tế. Các tổ chức quốc tế cũng cần gia tăng vai trò trong việc thúc đẩy và giữ gìn hoà bình thế giới.

- a) Biện pháp hiệu quả để bảo vệ hoà bình thế giới là các nước cần tăng cường đối thoại và hợp tác
- b) Gia tăng sử dụng vũ khí hạt nhân để duy trì hoà bình thế giới.
- c) Các tổ chức quốc tế cần gia tăng vai trò giữ gìn hoà bình thế giới.
- d) Ban hành luật pháp quốc tế trên toàn thế giới.

Bài 6 : MỘT SỐ VẤN ĐỀ AN NINH TOÀN CẦU

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Vấn đề nào sau đây **không** mang tính chất toàn cầu?

- A. Lương thực. B. Năng lượng. C. Nguồn nước. D. Không khí.

Câu 2. Lĩnh vực nào sau đây thuộc an ninh truyền thống?

- A. Chiến tranh cục bộ. B. An ninh lương thực. C. An ninh kinh tế. D. Biến đổi khí hậu.

Câu 3. Lĩnh vực nào sau đây thuộc an ninh phi truyền thống?

- A. Chiến tranh cục bộ. B. Xung đột sắc tộc. C. Dịch bệnh toàn cầu. D. Khủng bố vũ trang.

Câu 4. Lĩnh vực nào sau đây **không** thuộc an ninh phi truyền thống?

- A. Xung đột vũ trang. B. An ninh lương thực.

- C. Biến đổi khí hậu. D. Dịch bệnh toàn cầu.

Câu 5. Lĩnh vực nào sau đây thuộc **không** thuộc an ninh truyền thống?

- A. Khủng bố vũ trang. B. An ninh nguồn nước.

- C. Xung đột sắc tộc. D. Chiến tranh cục bộ.

Câu 6. Khủng hoảng an ninh lương thực trên thế giới do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Xung đột vũ trang, thiên tai và biến đổi khí hậu. B. Dịch bệnh diện rộng, bùng nổ dân số và hạn hán.

- C. Ô nhiễm môi trường, các loại dịch bệnh và lũ lụt. D. Bùng nổ dân số, xung đột sắc tộc và cháy rừng.

Câu 7. Tình trạng khủng hoảng an ninh lương thực là

- A. vấn đề của châu Phi và có xu hướng gia giảm. B. vấn đề toàn cầu nhưng có xu hướng gia giảm.

- C. vấn đề toàn cầu và đang có xu hướng gia tăng. D. vấn đề của châu Á và xu hướng gia tăng lên.

Câu 8. Hiện nay, châu lục nào sau đây đang khủng hoảng an ninh lương thực cao nhất thế giới?

- A. Châu Á. B. Châu Phi. C. Châu Âu. D. Châu Mỹ.

Câu 9. Ở châu Á, khu vực nào sau đây chịu tác động mạnh nhất của nạn đói?

- A. Đông Á. B. Đông Nam Á. C. Nam Á. D. Tây Nam Á.

Câu 10. Các cuộc xung đột ở thế kỉ XX liên quan đến vấn đề nào sau đây?

- A. An ninh năng lượng B. Thiếu nguồn nước. C. Tranh giành đất đai. D. Xung đột tộc người.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

Câu 1: Cho thông tin sau:

Trên thế giới có nhiều vấn đề an ninh toàn cầu, được xếp vào nhóm các vấn đề an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống. An ninh truyền thống là các vấn đề liên quan đến quân sự. An ninh phi truyền thống bao gồm một số vấn đề mang tính toàn cầu như: an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh mạng, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, xung đột sắc tộc...

a) Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) có vai trò quan trọng trong việc ổn định nền tài chính toàn cầu.

b) Tổ chức Liên hợp quốc (UN) được thành lập nhằm mục tiêu duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.

c) Những vấn đề an ninh truyền thống thường dễ giải quyết, còn vấn đề an ninh phi truyền thống thường khó giải quyết.

d) Thế giới cần duy trì sự ổn định và hòa bình để đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Hiện nay, ở một số khu vực trên thế giới, hoà bình và an ninh quốc tế đang đối mặt với nhiều vấn đề như: đói nghèo, phân biệt chủng tộc, sắc tộc, tôn giáo, xung đột vũ trang, biến đổi khí hậu, tranh chấp biên giới, lãnh thổ,... diễn ra với nhiều mức độ khác nhau.

a) Tổ chức Liên hợp quốc (UN) được coi là trung tâm điều hòa các vấn đề quốc tế vì mục tiêu chung.

b) Tổ chức có vai trò quan trọng nhất trong việc ổn định nền tài chính toàn cầu là WTO.

c) Tình trạng phân hóa giàu nghèo giữa các nước dẫn tới nguy cơ mất an ninh toàn cầu.

d) Sự thiếu ổn định và mất an ninh toàn cầu chỉ gây thiệt hại cho các nước chậm phát triển

III. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Năm 2020, thế giới có 768 triệu người bị thiếu dinh dưỡng, trong đó có 54,4% sống ở châu Á. Vậy số người bị thiếu dinh dưỡng ở châu Á năm 2020 là bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2: Năm 2021, thế giới có khoảng 2,3 tỉ người bị đói thiếu dinh dưỡng, chiếm 29,3% dân số thế giới. Vậy dân số thế giới năm 2021 bao nhiêu tỉ người? (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ hai của tỉ người)

→ **Đáp án:**

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Tổng	Nhóm 0-14 tuổi	Nhóm 15- 64 tuổi	Nhóm > 65 tuổi
7,795 tỉ người	25,4%	65,3%	9,3%

(Nguồn Quỹ dân số Liên Hợp Quốc – 2021)

Tính số dân thế giới phân theo nhóm tuổi 15 – 64 tuổi năm 2020? (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ hai của tỉ người)

→ **Đáp án:**

Bài 8: TỰ NHIÊN, DÂN CƯ, XÃ HỘI VÀ KINH TẾ MỸ LA TINH

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Kênh đào Pa-na-ma nối hai đại dương nào sau đây với nhau?

- A. Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương. B. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.
C. Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương. D. Bắc Băng Dương và Nam Đại Dương.

Câu 2. Ở khu vực Mỹ Latinh có kênh đào nối tiếp nào sau đây?

- A. Xuy-ê. B. Moscow. C. Kiel. D. Panama.

Câu 3. Vùng núi An-đét có tiềm năng lớn về

- A. khoáng sản, thủy điện và du lịch. B. thủy sản, khoáng sản và lâm sản.
C. nông sản, lâm sản và công nghiệp. D. thủy điện, vận tải và công nghiệp.

Câu 4. Các sơn nguyên ở nước ta thuận lợi phát triển

- A. trồng trọt và trồng cây lâm nghiệp. B. lâm nghiệp và trồng cây lương thực.
C. chăn nuôi và trồng cây công nghiệp. D. chăn nuôi và trồng cây lương thực.

Câu 5. Ở khu vực Mỹ Latinh **không** có đồng bằng nào sau đây?

- A. Đồng bằng La Pla-ta. B. Đồng bằng A-ma-dôn.
C. Đồng bằng La-nốt. D. Đồng bằng Trung tâm.

Câu 6. Khu vực nào sau đây ở Mỹ Latinh thường xảy ra động đất?

- A. Vùng núi An-đét và đồng bằng La-nốt. B. Vùng núi An-đét và quần đảo Ăng-ti.
C. Vùng biển Ca-ri-bê và quần đảo Ăng-ti. D. Đồng bằng Pam-pa và quần đảo Ăng-ti.

Câu 7. Các dạng địa hình nào sau đây chiếm phần lớn diện tích khu vực Mỹ Latinh?

- A. Đồng bằng và sơn nguyên. B. Sơn nguyên và cao nguyên.
C. Cao nguyên và núi thấp. D. Núi cao và đồi trung du.

Câu 8. Ở khu vực Mỹ Latinh có thuận lợi nào sau đây để phát triển cây lương thực và thực phẩm?

- A. Đất đai đa dạng và màu mỡ. B. Khí hậu phân hóa khá đa dạng.
C. Nhiều cao nguyên rộng lớn. D. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.

Câu 9. Ở khu vực Mỹ Latinh có thuận lợi nào sau đây để phát triển chăn nuôi gia súc và phát triển cây ăn quả?

- A. Đất đai đa dạng. B. Khí hậu phân hóa. C. Sơn nguyên rộng. D. Địa hình núi cao.

Câu 10. Ở khu vực Mỹ Latinh không có sơn nguyên nào sau đây?

- A. Mê-hi-cô. B. Bra-xin. C. Cô-lô-ra-đô. D. Guy-a-na.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

Câu 1: Cho thông tin sau:

Lãnh thổ Mỹ Latinh rộng lớn và trải dài trên nhiều vĩ độ nên khu vực này có nhiều đới và kiểu khí hậu khác nhau. Đới khí hậu xích đạo và cận xích đạo nằm ở quần đảo Ăng-ti, đồng bằng La- nốt và đồng bằng A-ma-dôn với nhiệt độ nóng quanh năm và lượng mưa lớn, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và rừng.

a) Đồng bằng A-ma-dôn chủ yếu thuộc đới khí hậu ôn đới gió mùa.

b) Hoang mạc Atacama là khu vực có khí hậu khô hạn nhất Mỹ Latinh.

c) Mỹ Latinh phát triển nền nông nghiệp với cơ cấu đa dạng chủ yếu do có nhiều đới và kiểu khí hậu khác nhau.

d) Lãnh thổ Mỹ Latinh rộng lớn và trải dài trên nhiều vĩ độ nên nhiên thiên có sự phân hoá Bắc - Nam.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Mỹ Latinh là một khu vực có diện tích xấp xỉ 21.069.500 km² chiếm gần 3,9% diện tích bề mặt và 14,1% tổng diện tích đất liền của Trái Đất, nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây, tách biệt với các châu lục khác. Phần đất liền Mỹ Latinh trải dài từ khoảng vĩ độ 33⁰B đến gần vĩ độ 54⁰N, tiếp giáp với ba đại dương: phía đông là Đại Tây Dương, phía tây là Thái Bình Dương và phía nam là Nam Đại Dương.

a) Mỹ Latinh nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây.

b) Toàn bộ lãnh thổ Mỹ Latinh nằm trong vùng nội chí tuyến, khí hậu đa dạng.

c) Kinh tế biển là thế mạnh của khu vực Mỹ Latinh.

d) Lãnh thổ rộng lớn, tiếp giáp với nhiều biển và đại dương giúp Mỹ Latinh thuận lợi trong giao lưu kinh tế - xã hội với các khu vực khác nhưng cũng chịu ảnh hưởng nhiều của thiên tai.

III. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Biết diện tích của Mĩ La tinh là 20111,5 nghìn km², dân số là 659300 nghìn người (năm 2022). Hãy cho biết mật độ dân số của Mĩ La tinh năm 2022 là bao nhiêu người/ km². (lấy kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của người/ km²).

→ **Đáp án:**

Câu 2: Biết tổng GDP của Bra-xin năm 2021 là 1609 tỉ USD, tỉ trọng khu vực Công nghiệp, xây dựng trong cơ cấu GDP của Bra-xin chiếm 18,9%. Hãy cho biết giá trị khu vực Công nghiệp, xây dựng của Bra-xin năm 2021 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

→ **Đáp án:**

Câu 3. Biết diện tích của khu vực Mĩ La tinh khoảng 20 triệu km², diện tích rừng năm 2020 là 9,32 triệu km². Hãy cho biết tỉ lệ che phủ rừng của khu vực Mĩ La tinh là bao nhiêu (%). (lấy kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của %)

→ **Đáp án:**

Câu 4. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THEO NHÓM TUỔI CỦA ACHENTINA, NĂM 2017

(Đơn vị: triệu người)

Năm	2017
Từ 0 đến 14 tuổi	11 202 462
Từ 15 đến 64 tuổi	28 035 921
Từ 65 tuổi trở lên	4 860 589

Căn cứ vào bảng số liệu, tính tỉ trọng nhóm tuổi từ 0 đến 14 tuổi trong tổng số dân Achentina. (lấy kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của %)

→ **Đáp án:**

Câu 5. Năm 2019, Mỹ la tinh đón 202 triệu khách du lịch quốc tế và doanh thu từ khách quốc tế đạt 75.600 triệu USD. Hãy tính chi tiêu bình quân của mỗi lượt khách quốc tế. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của USD/ NGƯỜI).

→ **Đáp án:**

Câu 6. Năm 2020, dân số của Bra- xin là 213,2 triệu người, số dân thành thị là 185,7 triệu người. Hãy cho biết tỉ lệ dân nông thôn của Bra- xin. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

→ **Đáp án:**

Câu 7. Cho bảng số liệu:

QUY MÔ GDP THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA BRA -XIN, GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

Năm	2000	2005	2010	2015	2020
GDP (Tỉ USD)	655,5	891,6	2208,9	1802,2	1448,6

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng GDP của Bra-xin năm 2015. Lấy năm 2000 là năm

gốc. (Làm tròn đến kết quả hàng đơn vị của %)

→**Đáp án:**

Câu 8. Năm 2020, dân số của Mĩ La-tinh là 652,3 triệu người, trong đó dân số trong độ tuổi lao động là 438,3 triệu người. Tính tỉ lệ dân số trong độ tuổi lao động của Mĩ La-tinh năm 2020 (làm tròn đến hàng đơn vị của %).

→**Đáp án:**

Câu 9. Năm 2020, GDP của Mĩ La-tinh đạt 4743,2 tỉ USD, dân số của Mĩ La-tinh là 652,3 triệu người. Tính bình quân GDP trên đầu người của Mĩ La-tinh năm 2020. (làm tròn đến hàng đơn vị của USD).

→**Đáp án:**

Câu 10 : Biết tổng GDP của Bra-xin năm 2021 là 1 609 tỉ USD, tỉ trọng khu vực Công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu GDP của Bra-xin chiếm 18,9%. Hãy cho biết giá trị khu vực Công nghiệp - xây dựng của Bra-xin năm 2021 là bao nhiêu tỉ USD? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Đáp án